

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/6/2022.
Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Viết Được.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thái Hòa;
2. Ông Hoàng Ngọc Vinh.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Linh -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 546/2022/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Nhà không số thuộc tổ MN, khu phố B, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Duy C, sinh năm 1969.

Địa chỉ: tổ M, khu phố MM, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Vũ Thị T trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Duy C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Đến nay không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông C.

-Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định xác định không có,

không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung bản tự khai, bị đơn ông Lê Duy C trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Vũ Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Từ khi kết hôn vợ chồng đã có những mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân nhưng cả hai đã cố gắng khắc phục để tiếp tục cuộc sống vợ chồng, nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và gay gắt hơn. Nguyên nhân xuất phát từ việc bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp và không còn thương yêu nhau. Bà T xin ly hôn thì ông đồng ý.

-Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông C xác định xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn ông Lê Duy C có địa chỉ cư trú tại tổ M, khu phố MM, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Vũ Thị T và ông Lê Duy C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 262/2015, ngày 19/11/2015. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa bà T và ông C xác định là hôn nhân hợp pháp. Tòa án căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành để giải quyết việc xin ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông C là có thật, cả hai vợ chồng đều xác định không còn tình cảm với nhau, đều thừa nhận quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm và thực tế đã sống ly thân, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông C cũng đồng ý ly hôn. Xét đây là ý kiến tự nguyện của hai bên nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với bà ông C.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông C xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

-Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị T.

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị T được ly hôn với ông Lê Duy C.

2.Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Vũ Thị T và ông Lê Duy C xác định là không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3.Về án phí: Bà Vũ Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, theo biên lai thu số 0001572, ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa. Bà T đã nộp xong tiền án phí.

4.Về quyền kháng cáo: Bà Vũ Thị T và ông Lê Duy C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP Biên Hòa;
- THADS TP Biên Hòa;
- UBND P.An Bình, TP.Biên Hòa,
- T.Đồng Nai (CN số 262/2015);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Viết Được